TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **07**/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 13 - 02 - 2023
V/v : Ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Tôn Thị Thanh Thúy.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Dương Quang Khánh.

2. Ông Kim Lươl.

- Thư ký phiên tòa: Ông Kim Mộc Nam - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

Ngày 13 tháng 02 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 03/2022/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 01 năm 2022 về việc "*Ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 150/2022/QĐXXST-HNGĐ, ngày 19 tháng 12 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà TRAN THI TU NGUYEN (Trần Thị Tú N), sinh ngày 09/8/1989. Địa chỉ: Số nhà B, ấp S, xã T, huyện L, tỉnh Sóc Trăng *(vắng mặt, có văn bản yêu cầu xét xử vắng mặt).*

- *Bị đơn*: Ông LAI BOON SANG, sinh ngày 02/01/1976. Địa chỉ: N.6 Laluan A Taman A B, Malaysia *(vắng mặt)***.**

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 23/12/2022; đơn yêu cầu vắng mặt đề ngày 30/9/2022 và 16/01/2023, nguyên đơn bà Trần Thị Tú N trình bày:

Bà và ông Lai Boon S đã đăng ký kết hôn với nhau ngày 17/8/2016 tại Malaysia. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống chung với nhau tại nhà anh L Boon Sang ở Malaysia được 12 tháng thì bà N về Việt Nam cho đến nay, do trong thời gian chung sống với nhau, bà và ông L Boon Sang không hợp nhau về nhiều mặt. Bà N nhận thấy mục đích hôn nhân giữa bà và ông Lai Boon S không đạt được nên bà yêu cầu ly hôn với ông Lai Boon S.

Trong thời gian chung sống với nhau thì bà N và ông Lai Boon S không có con chung, không có tài sản chung và nợ chung.

Nay bà Trần Thị Tú N yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị Tú N yêu cầu được ly hôn ông Lai Boon S.

- Về con chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Hiện nay do bà N bận đi làm ăn xa không thể xin nghỉ việc được, bà không có điều kiện tham gia tố tụng tại tòa được nên bà yêu cầu Tòa án cho bà được vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án này, bà cam kết giữ nguyên yêu cầu và không khiếu nại gì về sau.

Đối với ông Lai Boon S đã được Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án có ấn định ngày mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, công khai chứng cứ và hòa giải, ấn định ngày đưa vụ án ra xét xử nhưng đến nay ông Lai Boon S không có văn bản ghi ý kiến gửi cho Tòa án và vắng mặt tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

[1] Theo đơn khởi kiện nguyên đơn Trần Thị Tú N yêu cầu được ly hôn với bị đơn Lai Boon S; nguyên đơn và bị đơn Lai Boon Sang không có con chung; về tài sản chung, nợ chung và trợ cấp khó khăn sau khi ly hôn không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tòa án thụ lý vụ án xác định quan hệ pháp luật giải quyết "Ly hôn" là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Trong vụ án có đương sự cư trú ở nước ngoài nên Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 3 Điều 35 và điểm c khoản 1 Điều 37 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

[2] Nguyên đơn Trần Thị Tú N có văn bản yêu cầu xét xử vắng mặt. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, quyết định tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn.

[3] Bị đơn Lai Boon S là người có quốc tịch Malaysia, hiện nay đang sinh sống ở Malaysia có địa chỉ No.6 Laluan A Taman A B, Malaysia. Sau khi thụ lý vụ án, Toà án tỉnh Sóc Trăng đã lập hồ sơ ủy thác tư pháp tống đạt Thông báo về việc thụ lý vụ án số 03/TB-TLVA ngày 25/01/2022 và thông báo về việc mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và thời gian mở phiên tòa cho ông Lai Boon S, để thông báo cho ông L Boon Sang biết về nội dung yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Tú N. Sau đó, Bộ Tư pháp đã có văn bản số 2982/BTP -PLQT ngày 08/11/2022 thông báo cho Toà án nhân dân tỉnh Sóc Trăng biết kết quả thực hiện yêu cầu ủy thác nói trên là cơ quan có thẩm quyền của M-L-xi-a không thực hiện được ủy thác tư pháp do đương sự không còn ở địa chỉ được yêu cầu. Ngày 28/11/2022 Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng đã có văn bản gửi đại sứ quán nước C tại Malaysia để yêu cầu niêm yết công khai tại trụ sở C tại M-L-xi-a và đăng tải các văn bản nêu trên, trên công thông tin điện tử của C tại Malaysia và

Tòa án cũng đã đăng tải các thông báo nêu trên trên cổng thông tin điện tử của Tòa án. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 5 Điều 477 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, quyết định tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn ông Lai Boon S.

Về nội dung:

[4] Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị Tú N và ông Lai Boon S là những người có đủ điều kiện kết hôn, hai người đã tiến đến hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được cơ quan có thẩm quyền ở Malaysia cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 17/8/2016 và ghi vào sổ đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân huyện L, tỉnh Sóc Trăng ngày 04/11/2021 nên quan hệ hôn nhân giữa bà N và ông Lai Boon S là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, bà N và ông L Boon Sang chung sống với nhau tại nhà của ông L Boon Sang ở Malaysia được 12 tháng thì bà N về Việt Nam, do thời gian chung sống vợ chồng không hợp nhau và từ đó vợ chồng ly thân với nhau, không còn liên lạc với nhau; vợ chồng cũng không có con chung, tài sản chung nên bà N yêu cầu được ly hôn. Từ cơ sở trên cho thấy, cuộc sống vợ chồng của bà N và ông Lai Boon S không hạnh phúc, tình cảm vợ chồng đã thật sự không còn, mục đích hôn nhân không tồn tại, nếu duy trì hôn nhân sẽ ảnh hưởng đến cuộc sống bình thường của mỗi người. Do vậy, yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Tú N xin được ly hôn với ông Lai Boon S là có cơ sở nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về con chung: bà Trần Thị Tú N xác định không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Về tài sản chung, nợ chung và trợ cấp khó khăn sau khi ly hôn: bà Trần Thị Tú N trình bày là không có và không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[7] Về án phí hôn nhân sơ thẩm và chi phí ủy thác tư pháp: bà Trần Thị Tú N phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm 300.000 đồng, lệ phí ủy thác tư pháp 200.000 đồng và chi phí ủy thác tư pháp 3.000.000 đồng theo quy định tại khoản 4 Điều 147, khoản 3 Điều 153 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a khoản 5 Điều 27, Điều 44 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37, khoản 4 Điều 147, khoản 3 Điều 153, khoản 1 Điều 228, Điều 238, khoản 1 Điều 273, điểm d khoản 1 Điều 469, điểm b khoản 5 Điều 477 và khoản 2 Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Áp dụng khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 123 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 và điểm a khoản 5 Điều 27, Điều 44 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị Tú N (Tran Thi Tu N) được ly hôn với ông Lai Boon S.

- Về con chung: Không có nên không đặt ra xem xét.

- Về tài sản chung, nợ chung và trợ cấp khó khăn sau khi ly hôn: Không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra giải quyết.

- Án phí hôn nhân sơ thẩm: bà Trần Thị Tú N phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), theo Biên lai thu 0001396, ngày 19/01/2022 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Sóc Trăng. Như vậy, bà Trần Thị Tú N đã nộp đủ án phí hôn nhân sơ thẩm.

- Lệ phí ủy thác tư pháp: Bà Trần Thị Tú N phải chịu là 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) được khấu trừ vào tiền tạm ứng đã nộp 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0001556 ngày 09/5/2022 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Sóc Trăng. Như vậy, bà Trần N đã nộp xong.

- Chi phí ủy thác tư pháp: Bà Trần Tị Tú N1 phải chịu 3.000.000 đồng nhưng được khấu trừ vào 3.000.000 đồng bà N1 đã nộp theo biên lai nộp tiên số 0001547, ngày 09/5/2022 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Sóc Trăng, bà N1 đã nộp đủ chi phí ủy thác tư pháp.

- Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn bà Trần Thị Tú N cư trú tại Việt Nam và không có mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật, để yêu cầu Tòa án nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh xét xử vụ án theo trình tự phúc thẩm. Bị đơn ông Lai B Sang cư trú tại nước ngoài và không có mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án trong hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Tôn Thị Thanh Thúy

Nơi nhận:
- Các đương sự (02);
- VKSND tỉnh Sóc Trăng (01);
- Cục THADS tỉnh Sóc Trăng (01);
- UBND huyện Long Phú (01);
- Lưu HSVA - Tổ HCTP (02);
- Lưu Tòa HNGĐ &NCTN.